

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN Đ  
TỈNH LÂM ĐỒNG**

Số: 21/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 26/8/2022

V/v “Ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ  
TỈNH LÂM ĐỒNG**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Đỗ Thị Thúy Phượng**

- *Các Hội thẩm nhân dân:* - Bà **Nguyễn Thị Bé**

- Ông **Lê Công Trọng**

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Minh Nguyệt** là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Thanh Tuyền** - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 26 tháng 8 năm 2022, Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 61/2022/TLST-HNGĐ ngày 02/6/2022 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 26/7/2022 và Quyết định hoãn phiên toà số 10/2022/QĐST - HNGĐ ngày 11/8/2022 giữa các đương sự:

\* *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn H.** Sinh năm 1992

Địa chỉ: Thôn C, xã R, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

\* *Bị đơn:* Ông **Vũ K.** Sinh năm: 1985

Địa chỉ: Thôn C, xã R, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Vắng mặt không có lý do.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* *Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án của nguyên đơn bà Nguyễn H trình bày thì:*

Bà và ông K sau thời gian quen biết thì quyết định đi đến hôn nhân. Ông bà có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện C, tỉnh Nghệ An vào ngày 06/5/2011, hôn nhân của ông bà là hoàn toàn tự nguyện và có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán. Sau khi kết hôn thì vợ chồng sống hạnh phúc được sáu năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là cả hai thường xảy ra cãi vã, đánh đập lẫn nhau do đó ảnh hưởng rất nhiều đến các con và rạn nứt tình cảm, đến nay không thể hàn gắn được nữa. Nay bà xác định không còn tình cảm với ông K nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông Vũ K.

Về con chung: Bà và ông K có 02 con chung là cháu Vũ M, sinh ngày 26/4/2012 và cháu Vũ H, sinh ngày 12/10/2017. Khi ly hôn, bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được nhận cháu M và ông K sẽ nhận nuôi cháu H. Bà không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Hai vợ chồng tự thỏa thuận. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Ngoài ra, bà không yêu cầu hay trình bày gì thêm.

**\* Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành triệu tập bị đơn ông Vũ K nhiều lần nhưng ông K không đến làm việc theo giấy triệu tập, giấy báo của Tòa án.**

Vụ án đã được Tòa án tiến hành hòa giải nhưng không hòa giải được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, nguyên đơn trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án đều đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về đường lối giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân, bà H, ông K có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật, quá trình chung sống, hai bên có xảy ra mâu thuẫn, xét thấy tình cảm vợ chồng không còn khả năng hàn gắn lại được, nên đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết ly hôn. Về con chung, xét điều kiện nuôi dưỡng của bà H và muốn nhận nuôi con chung cũng như ý kiến của cháu M muốn ở với mẹ, cháu H còn nhỏ nên cần sự chăm sóc của người mẹ, nên đề nghị Hội đồng xét xử giao hai con chung là cháu Vũ M, sinh ngày 26/4/2012 và cháu Vũ H, sinh ngày 12/10/2017 cho bà H tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, bà H không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không đề cập đến.

Về nợ chung: Không có.

Về án phí: Áp dụng Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV quy định về án phí, lệ phí Tòa án, buộc các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:**

Sau khi nghiên cứu, xem xét các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

**[1] Về thủ tục tố tụng:** Nguyên đơn bà Nguyễn H vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Vũ K vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Căn cứ Khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Tòa án vẫn tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

**[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:**

Bà Nguyễn H và ông Vũ K có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện C, tỉnh Nghệ An vào ngày 06/5/2011. Cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên bà H yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông K. Hiện nay bà H, ông K có địa

chỉ tại thôn P, xã R, huyện Đ. Do đó, căn cứ vào các Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ kiện “Ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ.

**[3] Về quan hệ hôn nhân:** Bà Nguyễn H và ông Vũ K đã tự nguyện đi đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn nên xác định hôn nhân của bà H và ông K là hợp pháp. Tuy nhiên, quá trình chung sống bà H, ông K thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do hai bên bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, đánh đập lẫn nhau làm cho tình cảm vợ chồng rạn nứt đến mức không thể hàn gắn được nên bà H nhận thấy không còn tình cảm với ông K, bà yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Còn ông K không chấp hành quy định của pháp luật tố tụng dân sự khi giải quyết vụ án tại Tòa án. Hội đồng xét xử thấy rằng giữa hai vợ chồng ông bà đã phát sinh mâu thuẫn nghiêm trọng, không thể hòa giải được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của Nguyễn H là phù hợp.

**[4] Về con chung:** Xét thấy hiện nay hai con chung của bà H và ông K là cháu Vũ M, sinh ngày 26/4/2012 và cháu Vũ H, sinh ngày 12/10/2017, khi ly hôn bà Hương muốn nhận nuôi cháu My và đồng ý giao cháu H cho ông K tiếp tục nuôi dưỡng. Tuy nhiên, Tòa án không làm việc được với ông K về việc nhận nuôi con, hiện nay cháu H còn nhỏ cần sự chăm sóc của mẹ. Do đó, thể theo nguyện vọng con chung cháu M muốn ở với mẹ cũng như để đảm bảo các cháu được sinh hoạt và học tập ổn định, phát triển tốt nên Hội đồng xét xử giao cháu M và cháu H cho bà H tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi các cháu trưởng thành. Ông Vũ K không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

**[5] Về tài sản chung:** Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đề cập đến.

**[6] Về án phí:** Áp dụng Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV quy định về án phí, lệ phí Tòa án; Buộc bà Nguyễn H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên.

### QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; khoản 1, Điều 35; 39 và Điều 147, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV quy định về án phí, lệ phí Tòa án; **Xử:**

**1. Về quan hệ hôn nhân:** Bà Nguyễn H và ông Vũ K được ly hôn.

**2. Về con chung:** Giao hai con chung là các cháu Vũ M, sinh ngày 26/4/2012 và cháu Vũ H, sinh ngày 12/10/2017 cho bà Nguyễn H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi cháu M và H đủ 18 tuổi, ông Vũ K không phải cấp dưỡng nuôi con.

*Quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi việc cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.*

**3. Về án phí:** Buộc nguyên đơn bà Nguyễn H phải nộp số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền

300.000 đồng tạm ứng án phí bà H đã nộp theo biên lai thu tiền số 0010102 ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng, bà H đã nộp đủ án phí.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Nguyên đơn, bị đơn được quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt, niêm yết hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Đ;
- CC THADS huyện Đ;
- UBND xã D, huyện C, tỉnh Nghệ An;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

***T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM***  
***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa***

**Đỗ Thị Thúy Phượng**

